



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	01					Vắng
2	000002	1001021051	Phạm Như	Quỳnh	02/10/2004	KD10B	01	220	5,3	✓1	Suy	chấn
3	000003	1101020003	Đặng Phương	Anh	31/01/2005	KD11A	01	219	6,0	✓1	anh	lẻ
4	000004	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	01	218	9,5	✓1	anh	chấn
5	000005	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	01	217	Một	✓1	anh	lẻ
6	000006	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	01	216	4,0	✓1	anh	chấn
7	000007	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	01	215	4,0	✓1	anh	lẻ
8	000008	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	01	214	5,8	✓1	Bình	chấn
9	000009	1101020050	Đỗ Quyết	Chiến	15/06/2005	KD11A	01	213	4,3	✓2	Chiến	lẻ?
10	000010	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	01	212	4,0	✓1	Chinh	chấn
11	000011	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	01	211	2,5	✓1	Đức	lẻ
12	000012	1101020069	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/2003	KD11A	01	210	4,3	✓1	Dương	chấn
13	000013	1101020944	Lê Thị	Duyên	05/04/2005	KD11A	01	209	1,8	✓1	Duyên	lẻ
14	000014	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	01	208	2,5	✓1	Hà	chấn
15	000015	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	01	207	9,3	✓2	Hà	lẻ
16	000016	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	01	206	3,3	✓1	Hà	chấn
17	000017	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	01	205	1,8	✓1	Hằng	lẻ
18	000018	1101020095	Phan Thị	Hiền	05/10/2005	KD11A	01	204	4,8	✓1	Hiền	chấn
19	000019	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	01	203	0,3	✓1	Hiền	lẻ
20	000020	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	01	202	3,8	✓1	Hoa	chấn
21	000021	1101021358	Hoàng Phi	Hùng	17/07/2003	KD11A	01	201	5,3	✓1	Hùng	HP lẻ?
22	000022	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	01	200	1,8	✓1	Hương	chấn
23	000023	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	01	199	0,5	✓1	Hương	HP lẻ
24	000024	1101020115	Phùng Thị	Hương	07/05/2005	KD11A	01	198	3,8	✓1	Hương	chấn
25	000025	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	01	197	6,3	✓1	Huyền	lẻ
26	000026	0810211730	Nguyễn Văn	Khải	18/10/2002	KD11A	01	196	9,0	✓1	Khải	chấn
27	000027	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	12/09/2005	KD11A	01	195	4,0	✓1	Liên	lẻ
28	000028	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	01	194	3,3	✓1	Phu	chấn
29	000029	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	01	193	4,0	✓1	Linh	lẻ
30	000030	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	01	192	3,5	✓1	Linh	chấn
31	000031	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	01	191	8,0	✓1	Linh	lẻ
32	000032	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	01	190	9,0	✓1	Loan	chấn
33	000033	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	01	189	5,3	✓1	Mai	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 32...

Tổng số tờ giấy thi: 33 + 1 = 34

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 12 tháng 11 năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm Tuyết Mai
Nguyễn Thị Ngọc Linh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000034	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	01	95	0,8	1	My	Chấn
2	000035	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	01	96	8,0	1	Ngân	Le'
3	000036	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	01	97	9,8	1	Ngọc	Chấn
4	000037	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	01					HP,ĐK
5	000038	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	01	98	2,0	1	Oai	Chấn
6	000039	1101020244	Thái Minh	Quân	09/02/2005	KD11A	01	99	3,5	1	Quân	le'
7	000040	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	01	100	4,3	1	Quỳnh	chấn
8	000041	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	01	101	0,3	1	Tâm	HP le'
9	000042	1101020266	Nguyễn Phương	Thảo	11/02/2005	KD11A	01	102	4,0	1	Thảo	chấn
10	000043	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	01	103	5,3	1	Thư	le'
11	000044	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	01	104	Một	1	Thư	chấn
12	000045	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	01	105	8,5	1	Thúy	le'
13	000046	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	01	106	9,0	1	Trang	chấn
14	000047	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	01	107	7,5	1	Trang	le'
15	000048	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	01	108	0,5	1	Trang	chấn
16	000049	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	01	109	1,3	1	Trang	le'
17	000050	1101021063	Nguyễn Duy	Tuân	03/05/2005	KD11A	01	110	2,5	1	Tuân	chấn
18	000051	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	01	111	6,0	1	Tuyền	le'
19	000052	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	01	112	4,8	1	Thái	chấn
20	000053	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	01	113	4,8	1	Yến	le'
21	000054	0810211204	Nguyễn Trần Thiên	Son	26/07/2002	KD8D	01	114	2,2	1	Son	chấn
22	000055	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	02	115	1,5	1	Anh	le'
23	000056	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	02	116	9,3	1	Anh	chấn
24	000057	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	02	117	6,5	1	Anh	le'
25	000058	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	02	118	5,7	1	Anh	chấn
26	000059	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	02	119	5,3	1	Anh	le'
27	000060	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	02	120	2,3	1	Anh	chấn
28	000061	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	02					HP,ĐK
29	000062	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	02	121	5,0	1	Bích	chấn
30	000063	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	02	122	4,0	1	Diễm	le'
31	000064	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	02	123	5,3	1	Đức	chấn
32	000065	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	02	124	4,0	1	Dương	le'
33	000066	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	02	125	1,8	1	Phạm	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 31.....

Tổng số tờ giấy thi: 31.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 12 tháng 6 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm Văn Tuấn

Nguyễn Thị Kim Dung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính *chấm/lê*

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000067	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	02	251	2,8-	1	Giang	lê
2	000068	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	02	250	4,3-	1	Giang	chấm
3	000069	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	02	249	6,3-	1	Giang	lê
4	000070	1101020087	Trần Thu	Hà	14/05/2005	KD11B	02	248	6,5-	2	Hà	chấm
5	000071	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	02	247	8,5-	1	Hoa	lê
6	000072	1101020562	Phùng Tuấn	Hùng	01/06/2005	KD11B	02	246	0,3-	1	Hùng	chấm
7	000073	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	02	245	7,8-	1	Hương	lê
8	000074	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	02	244	3,5-	1	Huyền	chấm
9	000075	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	02	243	9,5-	1	Huyền	lê
10	000076	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	02	242	1,8-	1	Lan	HP <i>chấm</i>
11	000077	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	02	241	8,3-	1	Liên	lê
12	000078	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	02	240	8,8-	1	Linh	chấm
13	000079	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	02	239	6,5-	1	Linh	lê
14	000080	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	02	238	7,0-	1	Linh	chấm
15	000081	1101020171	Nguyễn Thị Phương	Loan	03/07/2005	KD11B	02	237	9,0-	1	Loan	lê
16	000082	1101021337	Phùng Thị Hải	Ly	24/03/2005	KD11B	02	236	8,5-	1	Ly	chấm
17	000083	1101021336	Bùi Thanh	Mai	16/02/2005	KD11B	02	235	7,3-	1	Mai	lê
18	000084	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	02	234	2,5-	1	Mai	chấm
19	000085	1101020185	Nguyễn Tuyết	Mai	10/12/2005	KD11B	02	233	9,3-	1	Mai	lê
20	000086	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	02	232	4,3-	1	Nam	chấm
21	000087	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	02	231	5,8-	1	Ngát	lê
22	000088	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	KD11B	02	230	8,8-	1	Ngọc	chấm
23	000089	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD11B	02					HP
24	000090	1101020878	Đỗ Trang	Nhung	10/06/2005	KD11B	02	229	7,3-	1	Nhung	chấm
25	000091	1101020226	Nguyễn Cẩm	Nhung	02/11/2005	KD11B	02	228	5,0-	1	Nhung	lê
26	000092	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	02	227	1,3-	1	Phúc	chấm
27	000093	1101020232	Bùi Thu	Phương	12/06/2005	KD11B	02	226	3,8-	1	Phương	lê
28	000094	1101020241	Trần Thị Hoài	Phương	28/07/2005	KD11B	02	225	4,8-	1	Phúc	chấm
29	000095	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	02	224	3,5-	1	Quỳnh	lê
30	000096	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	02					HP
31	000097	1101021033	Hoàng Thị Phương	Thảo	29/05/2005	KD11B	02	223	9,0-	1	Thảo	lê
32	000098	1101021396	Nguyễn Thị	Thảo	03/02/2005	KD11B	02	222	5,5-	1	Thảo	chấm
33	000099	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	02	221	8,8-	1	Thu	lê

Tổng số sinh viên dự thi: ... 31 ...
 Tổng số tờ giấy thi: ... 32 ...
 Tổng số biên bản: ... 0 ...

Ngày 12 tháng 06 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Hoàng Thị Duyên *Bùi Thị Nhung*



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

chấm/le?

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000100	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	02	188	7,8	01	Phu	NPĐa
2	000101	1101020290	Lê Thị Thuý	Tinh	23/10/2005	KD11B	02	187	9,0	01	Tu	le?
3	000102	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	02	186	4,3	01	Tray	cham
4	000103	1101020305	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/2005	KD11B	02	185	5,0	01	Trang	le?
5	000104	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	02	184	1,8	01	Tray	cham
6	000105	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	02	183	5,0	01	Tuan	le?
7	000106	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	02	182	8,8	01	Vi	cham
8	000107	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	02	181	3,5	01	Vinh	le?
9	000108	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	02	180	4,5	01	Yen	cham
10	000109	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD11C	02	179	3,0	01	Huy	le?
11	000110	1001020214	Hà Trọng	Nghĩa	24/03/2003	KD10B	03	178	1,5	01	Nghia	cham
12	000111	1001020051	Nguyễn Việt	Anh	14/04/2003	KD10E	03					ĐK
13	000112	1001020335	Đình Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	03					ĐK
14	000113	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	03	177	0,5	01	An	le?
15	000114	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	03	176	4,0	01	Anh	cham
16	000115	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	03	175	9,0	02	Anh	le?
17	000116	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	03	174	4,8	01	Q.Anh	cham
18	000117	1101020022	Nguyễn Thị Hải	Anh	02/06/2005	KD11C	03	173	4,5	01	H.Anh	le?
19	000118	1101020026	Phạm Hoàng Hà	Anh	08/07/2005	KD11C	03	172	4,0	01	Pham	cham
20	000119	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	03	171	1,3	01	Truong	le?
21	000120	1101020034	Vũ Thị Hồng	Anh	10/09/2005	KD11C	03	170	4,5	01	Anh	cham
22	000121	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/04/2005	KD11C	03	169	9,0	01	Anh	le?
23	000122	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/05/2005	KD11C	03	168	3,3	01	Anh	cham
24	000123	1101020041	Phạm Ngọc	Ánh	30/08/2005	KD11C	03	167	8,5	01	Anh	le?
25	000124	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	03	166	9,3	01	Chi	cham
26	000125	1101020054	Nguyễn Thị Anh	Đào	02/01/2005	KD11C	03	165	5,5	01	Anh	le?
27	000126	1101020066	Nguyễn Thanh	Dung	31/12/2005	KD11C	03	164	mst	01	Dung	cham
28	000127	1101020941	Trịnh Công	Dương	23/11/2005	KD11C	03	163	0,8	01	Duong	le?
29	000128	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	03	162	5,8	01	Giang	cham
30	000129	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	03	161	5,8	01	Hà	le?
31	000130	1101020088	Trần Đình	Hải	09/03/2005	KD11C	03	160	0,8	01	Hai	cham
32	000131	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	03	159	6,3	01	Hanh	le?
33	000132	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	03	158	5,6	02	Hoa	cham

Tổng số sinh viên dự thi: 31.....

Tổng số tờ giấy thi: 32.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 12.. tháng 06. Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Dặng Thị Hiền

Nguyễn Thanh Bình



84-64

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000133	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	03	34	8,3	01	hoài	le'
2	000134	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	03	35	4,5	01	Hương	chấn
3	000135	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	13/04/2005	KD11C	03	36	5,5	01	ngoc	le'
4	000136	1101020593	Đoàn Phương	Linh	09/10/2005	KD11C	03	37	3,5	01	Linh	chấn
5	000137	1101020146	Lê Nguyễn Thùy	Linh	23/09/2005	KD11C	03	38	6,5	01	Linh	le'
6	000138	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	03	39	3,1	01	Linh	chấn
7	000139	1101020164	Trần Phương	Linh	07/04/2005	KD11C	03	40	9,0	01	Linh	le'
8	000140	1101020165	Vũ Hà	Linh	30/07/2005	KD11C	03	41	5,8	01	Linh	chấn
9	000141	1101020173	Trương Thị	Luyên	20/10/2005	KD11C	03	42	4,5	01	Luyên	le'
10	000142	1101020199	Lê Hồng	Ngân	11/07/2005	KD11C	03	43	2,0	01	Ngân	chấn
11	000143	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	03	44	5,3	01	Ngọc	le'
12	000144	1101020208	Phạm Ánh	Ngọc	25/11/2005	KD11C	03	45	5,8	01	Ngọc	chấn
13	000145	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD11C	03	46	4,5	01	Nhi	le'
14	000146	1101020216	Kiều Yến	Nhi	24/10/2005	KD11C	03	47	9,3	01	Nhi	chấn
15	000147	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	03	48	3,0	01	Nhung	le'
16	000148	1101021022	Chu Lan	Phương	05/07/2005	KD11C	03	49	8,3	01	Lan	chấn
17	000149	1101021024	Trịnh Thu	Phương	08/11/2005	KD11C	03	50	9,3	01	phương	le'
18	000150	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	03	51	2,8	01	Thanh	chấn
19	000151	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	03	52	8,5	01	Thảo	le'
20	000152	1101020706	Cầm Văn	Thủ	25/01/2005	KD11C	03	53	2,8	01	Thủ	chấn
21	000153	1101020279	Lê Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	03	54	2,0	01	Thức	le'
22	000154	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	03	55	7,0	02	Thùy	chấn
23	000155	1101020902	Đinh Thị Yến	Trang	29/01/2005	KD11C	03	56	7,0	02	Trang	le'
24	000156	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	03	57	9,5	02	Trang	chấn
25	000157	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	03	58	9,3	02	Trang	le'
26	000158	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	03					HP,ĐK
27	000159	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	03	59	6,5	01	Việt	le'
28	000160	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	03	60	7,6	01	Vy	chấn
29	000161	0901020942	Nguyễn Thị Quế	Anh	11/12/2003	KD9D	03	61	3,5	01	Anh	le'
30	000162	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	03					HP,ĐK
31	000163	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	03	62	3,0	01	Ngân	Ngân le'
32	000164	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	03	63	4,3	01	Biên	chấn
33	000165	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	04	64	5,3	01	Anh	le'

Tổng số sinh viên dự thi: ...31...

Tổng số tờ giấy thi: ...35...

Tổng số biên bản: ...0.....

Ngày 12 tháng 6 năm 2020

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Lê Thị Mùi Hà Phạm Thị Mai Huyền



252 - 285

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

Chấn/le'

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000166	1101020012	Đông Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	04	252	5,0	01	Anh	Chấn
2	000167	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	04	253	6,5	01	Chấn	le'
3	000168	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	04	254	4,1	02	Anh	Chấn
4	000169	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	04	255	5,5	01	Anh	le'
5	000170	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	04	256	3,5	01	Anh	Chấn
6	000171	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	04	257	3,3	01	Bách	le'
7	000172	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	04	258	Một	01	Đạt	Chấn
8	000173	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	04	259	8,0	01	Đào	le'
9	000174	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	04	260	9,3	01	Giang	Chấn
10	000175	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	04	261	7,8	02	Hà	le'
11	000176	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	04	262	9,5	01	Hà	Chấn
12	000177	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	04	263	9,3	01	Hải	le'
13	000178	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	04	264	5,2	01	Hằng	Chấn
14	000179	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	04	265	4,0	01	Hanh	le'
15	000180	1101020096	Đình Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	04	266	7,8	01	Hiền	Chấn
16	000181	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	04	267	8,8	01	Hiếu	le'
17	000182	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	04	268	6,5	01	Hiếu	Chấn
18	000183	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	04	269	7,0	01	Hoa	le'
19	000184	1101020108	Đình Thúy	Hồng	05/11/2005	KD11D	04	270	3,0	01	Hồng	Chấn
20	000185	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	04	271	8,5	01	Hường	le'
21	000186	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	04	272	6,0	01	Huyền	Chấn
22	000187	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	04	273	6,3	01	Huyền	le'
23	000188	1101021330	Nguyễn Thu	Huyền	01/10/2005	KD11D	04	274	9,3	01	Huyền	HR Đản nộp
24	000189	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	04	275	5,0	01	Lan	le'
25	000190	1101020141	Đặng Mạnh	Linh	11/07/2005	KD11D	04	276	8,5	01	Linh	Chấn
26	000191	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	04	277	8,5	01	Linh	le'
27	000192	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	04	278	4,5	01	ĐBB	Chấn
28	000193	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	04	279	0,8	01	Linh	le'
29	000194	1101020178	Trần Thị Vân	Ly	10/10/2005	KD11D	04	280	5,3	01	Ly	Chấn
30	000195	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	04	281	4,5	01	Mai	le'
31	000196	1101020189	Trần Vũ Hồng	Minh	04/12/2005	KD11D	04	282	4,0	01	Minh	HR Đản nộp
32	000197	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	04	283	4,5	01	Minh	le'
33	000198	1101021437	Đỗ Thị Thục	Mỹ	15/04/2005	KD11D	04	284	6,9	01	Mỹ	Chấn
34	000199	1101020196	Lê Thị	Nga	23/09/2005	KD11D	04	285	3,8	01	Nga	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 34.....

Tổng số tờ giấy thi: 36..

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 12 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Huyền Phan Hồng Hạnh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000200	1101021011	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	24/07/2005	KD11D	04	1	4,0	01	Ngọc	chẵn
2	000201	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyên	08/09/2005	KD11D	04	2	8,8	01	Nguyễn	Lẻ
3	000202	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	04	3	7,3	02	Nhi	chẵn
4	000203	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	04	4	7,8	01	Ý	Lẻ
5	000204	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	04	5	5,8	02	Nhung	chẵn
6	000205	1101020235	Lê Thị Thu	Phuong	14/03/2005	KD11D	04	6	3,8	01	Phuong	Lẻ
7	000206	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	04	7	6,3	01	Quỳnh	chẵn
8	000207	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	04	8	5,8	01	Quỳnh	Lẻ
9	000208	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	04	9	9,0	01	Thanh	chẵn
10	000209	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	04	10	9,0	02	thảo	Lẻ
11	000210	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	04	11	6,8	01	Thảo	chẵn
12	000211	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	04	12	8,8	02	Thư	Lẻ
13	000212	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	04	13	9,0	01	Thương	chẵn
14	000213	1101020287	Đặng Thanh	Thủy	04/08/2005	KD11D	04	14	5,8	01	thủy	Lẻ
15	000214	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	04	15	8,5	02	Trang	chẵn
16	000215	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	04	16	2,8	01	Triển	HP lẻ
17	000216	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	04	17	2,8	01	Uyên	chẵn
18	000217	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	04	18	5,8	01	Vinh	Lẻ
19	000218	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	04	19	6,3	01	Yến	chẵn
20	000219	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	04	20	2,3	01	Yến	Lẻ
21	000220	0901030207	Ngô Minh	Hiển	30/05/2003	KD9D	04	21	2,8	01	Minh	chẵn
22	000221	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	04	22	8,8	01	Hà	Lẻ
23	000222	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	05	23	3,4	01	Anh	chẵn
24	000223	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	05	24	6,3	01	Anh	Lẻ
25	000224	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	05	25	4,3	01	Anh	chẵn
26	000225	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	05	26	8,5	01	Anh	Lẻ
27	000226	1101020025	Nguyễn Vân	Anh	01/12/2005	KD11E	05	27	4,5	01	Anh	chẵn
28	000227	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	05	28	4,5	01	Anh	Lẻ
29	000228	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	05	29	9,0	01	Anh	chẵn
30	000229	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	05	30	8,0	01	Anh	Lẻ
31	000230	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	05	31	5,8	01	Bình	chẵn
32	000231	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	05	32	5,8	01	Chúc	Lẻ
33	000232	1001021433	Đình Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	05					HP,ĐK
34	000233	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	05	33	9,0	01	Diễn	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 33
 Tổng số tờ giấy thi: 38
 Tổng số biên bản: 9

Ngày 12 tháng 06 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thảo Bùi Phú Yên



126 - 157

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

Chấn Lê

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000234	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	05	143	7,1	01	Suy	Chấn
2	000235	1101021076	Lê Thùy	Dương	16/10/2005	KD11E	05	142	4,5	01	Dương	lê
3	000236	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	05	141	2,6	01	Ph	chấn
4	000237	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	05	140	6,3	01	Giang	chấn
5	000238	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	05	139	1,8	01	Giang	lê
6	000239	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	05	138	7,3	01	Hà	lê
7	000240	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	05	137	5,5	01	Hằng	chấn
8	000241	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	05	136	8,8	01	Hào	lê
9	000242	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	05	135	4,0	01	Hoàn	chấn
10	000243	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	05	134	6,0	01	Hương	lê
11	000244	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	05	133	7,4	01	Hường	chấn
12	000245	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	05	132	7,8	01	Huyền	lê
13	000246	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	05					HP,ĐK
14	000247	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	05	131	4,8	01	Kh	lê
15	000248	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	05	130	7,4	01	Lan	chấn
16	000249	1101020979	Cà Nhật Minh Ái	Lệ	01/08/2005	KD11E	05	129	6,8	01	Lệ	lê
17	000250	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	05	128	4,8	01	Linh	chấn
18	000251	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	05	127	7,0	01	linh	lê
19	000252	1101020169	Đình Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	05	126	4,0	01	Loan	chấn
20	000253	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	05	155	4,5	01	Ly	lê
21	000254	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	05	156	2,5	01	Ly	Chấn
22	000255	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	05	155	6,3	01	Mai	lê
23	000256	1101020995	Khổng Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	05	154	4,1	01	Mơ	chấn
24	000257	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	05	153	7,8	02	Nga	lê
25	000258	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	05	152	4,1	01	Nga	chấn
26	000259	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	05	151	8,0	01	Ngọc	lê
27	000260	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	05					ĐK
28	000261	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	05	150	8,8	1	Nguyễn	lê
29	000262	1101020218	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26/10/2005	KD11E	05	149	7,8	01	Nhi	chấn
30	000263	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	05	148	8,5	01	Nhung	lê
31	000264	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	05	147	5,3	01	Quỳnh	chấn
32	000265	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	05	146	1,3	01	Quỳnh	lê
33	000266	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	05	145	5,8	01	Thanh	chấn
34	000267	1101020264	Nguyễn Phương	Thào	11/10/2005	KD11E	05	144	8,8	01	Thào	lê

Tổng số sinh viên dự thi: ... 32 ...
 Tổng số tờ giấy thi: ... 33 ...
 Tổng số biên bản: ... 0 ...

Ngày 12 tháng 6 năm ... 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Vũ Thị Hòa

Nguyễn Thị Thủy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000268	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	05	65	3,3	01	Thảo	chấn
2	000269	1101020275	Luong Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	05	66	8,0	01	Thư	lê
3	000270	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	05	67	4,5	01	Thương	chấn
4	000271	1101021046	Nguyễn Thủy	Tiên	11/11/2005	KD11E	05	68	8,0	01	Tiên	lê
5	000272	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	05	69	1,3	01	Trang	chấn
6	000273	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	05	70	8,8	01	Trang	lê
7	000274	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	05	71	7,5	01	Tú	chấn
8	000275	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	05					ĐK
9	000276	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	05	72	5,0	01	Vân	chấn
10	000277	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	05	73	2,5	01	Vương	lê
11	000278	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	05					HP,ĐK
12	000279	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	06					ĐK
13	000280	1101020011	Đỗ Văn	Anh	06/10/2005	KD11G	06	74	1,8	01	Anh	chấn
14	000281	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	06	75	9,5	02	Anh	lê
15	000282	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	06					HP,ĐK
16	000283	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	06	76	Không	01	Anh	lê
17	000284	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	06	77	0,5	01	Phùng	chấn
18	000285	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	06	78	3,5	01	Trần	lê
19	000286	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	06	79	9,0	01	Bình	chấn
20	000287	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	06	80	5,8	01	Châm	lê
21	000288	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	06	81	Một	01	Đạt	chấn
22	000289	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	06	82	8,8	01	Doan	lê
23	000290	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	06	83	4,5	01	Đông	chấn
24	000291	1101020068	Nguyễn Tài	Dương	14/11/2005	KD11G	06	84	3,5	01	Dương	lê
25	000292	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	06	85	6,7	01	Duyên	chấn
26	000293	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	06	86	5,0	01	Trà	lê
27	000294	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	06	87	9,3	01	Hà	chấn
28	000295	1101020085	Phùng Hải	Hà	22/06/2005	KD11G	06	88	7,0	01	Hà	lê
29	000296	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	06	89	3,0	01	Hằng	chấn
30	000297	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	06	90	1,3	01	Kiên	lê
31	000298	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	06	91	0,8	01	Minh	chấn
32	000299	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	06	92	5,0	01	Hồng	lê
33	000300	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	06	93	0,8	01	Huy	chấn
34	000301	1101020123	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/07/2005	KD11G	06	94	3,5	01	Huyền	lê

Tổng số sinh viên dự thi: ... 3.0.

Tổng số tờ giấy thi: ... 3.1...

Tổng số biên bản: ... 0.

Ngày 12. tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Ngọc Hà

Nguyễn Thị Thùy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000302	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	06	318	7,8	1	Khánh	Chẵn
2	000303	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	KD11G	06	317	6,0	1	Trần	Lẻ
3	000304	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	06					ĐK
4	000305	1101020139	Hoàng Thị	Lệ	21/01/2005	KD11G	06	316	4,5	1	Lệ	Lẻ
5	000306	1101020150	Lưu Thùy	Linh	02/01/2005	KD11G	06	315	7,0	1	Linh	Chẵn
6	000307	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	06	314	3,3	1	Thùy	Lẻ
7	000308	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	06	313	2,3	1	Linh	Chẵn
8	000309	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	06	312	2,5	1	Loan	Lẻ
9	000310	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	06	311	6,5	1	Loan	Chẵn
10	000311	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	06	310	8,3	1	Nga	Lẻ
11	000312	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	06	309	6,3	1	Ngọc	Chẵn
12	000313	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	06	308	6,0	1	Ngọc	Lẻ
13	000314	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	06	307	5,4	1	Nguyệt	Chẵn
14	000315	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	06	306	2,8	1	Nhi	Lẻ
15	000316	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	06	305	2,8	1	Như	Chẵn
16	000317	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	06	304	6,0	1	Nhung	Lẻ
17	000318	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	06	303	4,8	1	Oanh	Chẵn
18	000319	1101020236	Lý Thu	Phuong	28/07/2005	KD11G	06	302	1,5	1	Thu	Lẻ
19	000320	1101021025	Vương Thị	Phuong	30/06/2005	KD11G	06	301	8,8	1	Phuong	Chẵn
20	000321	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	06	300	3,3	1	Quỳnh	Lẻ
21	000322	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	06	299	0,5	1	Thanh	Chẵn
22	000323	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	06	298	3,3	1	Thành	Lẻ
23	000324	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	06	297	3,8	1	Thảo	Chẵn
24	000325	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	06	296	5,3	1	Thư	Lẻ
25	000326	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	06	295	8,3	1	Trang	Chẵn
26	000327	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	06	294	7,5	1	Trang	Chẵn
27	000328	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	06	293	4,3	1	Trang	Chẵn
28	000329	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	06	292	5,5	1	Thùy	Lẻ
29	000330	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	06	291	5,8	1	Tuân	Chẵn
30	000331	1101020313	Đinh Lê Anh	Tuấn	17/09/2005	KD11G	06	290	1,3	1	Tuấn	Lẻ
31	000332	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	06	289	6,3	1	Vân	Chẵn
32	000333	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	06	288	3,5	1	Xuân	Lẻ
33	000334	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	06	287	2,0	1	Yên	Chẵn
34	000335	1101020332	Đỗ Hải	Yến	23/08/2005	KD11G	06	286	6,3	1	Yến	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi:..... 33
 Tổng số tờ giấy thi:..... 33
 Tổng số biên bản:..... 0

Ngày 12 tháng 06 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

(Signature)
Đề Thi Tài

(Signature)
Tô Xuân Hải